

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 8 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý A Hờ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Bùi Quang Trung;

2. ông Lương Văn Sanh;

- Thư ký phiên tòa: ông Đào Bá Đạt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Tình, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/ TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lý Thị P**, sinh năm 1999; Trú tại: **bản H, xã D, huyện M, tỉnh Yên Bái**. Có mặt.

- Bị đơn: anh **Sùng A H**, sinh năm 1994; Trú tại: **bản H, xã D, huyện M, tỉnh Yên Bái**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa chị **Lý Thị P** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **P** và anh **H** kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2016 tại **UBND xã D, huyện M, tỉnh Yên Bái**.

Lúc đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải, động viên nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Do vậy chị **P** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh **Sùng A H**.

Về con chung: có 02 con chung

+ **Sùng Thị G**, sinh ngày 11/10/2016

+ **Sùng Thị Như N**, sinh ngày 25/01/2019

Hiện các cháu đang ở cùng với anh **H** tại nơi cư trú, ly hôn chị **P** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **G**, anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N**, không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh **Sùng A H** trình bày:*

Thừa nhận có mối quan hệ hôn nhân và con chung như chị **P** đã trình bày, nhưng vẫn còn tình cảm với chị **P** nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết để vợ chồng quay về chung sống đoàn tụ. Nếu ly hôn thì anh **H** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và đề nghị chị **P** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung trong quá trình giải quyết anh **H** cũng không có yêu cầu.

*Tại biên bản xác minh ngày 27/6/2023 tại **UBND xã D** thể hiện:*

Anh **H** và chị **P** có mối quan hệ hôn nhân và con chung như chị **P** đã trình bày.

Trong thời gian chung sống chị **P** và anh **H** không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2021 thì chị phỉnh có đi làm thuê, nghe nói là đi làm ở tỉnh Bắc Ninh và Hải Phòng gì đó, lâu lâu mới nhìn thấy về một lần (Trung bình 01 năm về 01-02 lần), chủ yếu là về bên nhà ngoại ở **xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái**. Bản thân chị **P** và anh **H** hầu như sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Về điều kiện kinh tế: chị **P** và anh **H** đều không có công ăn việc làm ổn định, thu nhập chủ yếu làm ruộng, nương và làm thuê. Hiện tại anh **H** đang sống tại nơi cư trú, chị **P** thường xuyên đi làm xa nhà, thì thoảng mới về, hiện nay không có mặt tại địa phương.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn đã được thông báo, triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **P**, xử cho chị **P** được ly hôn anh **H**.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định để chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **G**, anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N**. Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại **huyện M**, quan hệ tranh chấp là ly hôn. Do đó căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

Bị đơn anh **Sùng A H** đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **P** và anh **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, bản thân chị **P** và anh **H** sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị **P** và anh **H** trong thời gian chung sống tuy không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng không có tiếng nói chung và đã sống ly thân trong một thời gian dài, việc người ai nấy làm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh **H** nhiều lần để trình bày ý kiến và tổ chức hòa giải tại Tòa án nhưng anh **H** không hợp tác, cũng không đưa ra biện pháp để níu kéo tình cảm vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị **P**, xử cho chị **P** được ly hôn với anh **H**.

[3] Về con chung: Cả chị **P** và anh **H** đều không có công ăn việc làm ổn định, điều kiện nuôi dưỡng là ngang nhau, nhưng đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các con Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị **P** được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **G**, giao cho anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **N**, không ai phải cấp dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Cả nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: nguyên đơn chị **Lý Thị P** là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị **P**.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lý Thị P**, xử cho chị **P** được ly hôn anh **Sùng A H**.

2. *Về con chung:* Giao cho chị **Lý Thị P** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Sùng Thị G**, sinh ngày 11/10/2016; giao cho anh **Sùng A H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Sùng Thị Như N**, sinh ngày 25/01/2019. Không ai phải cấp dưỡng về việc nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Các đương sự được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị **P** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh **H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý A Hờ